TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **03**/2020/DS-ST
Ngày: 11/02/2020
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG - TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lấy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thông Thái
2. Bà Nguyễn Hoàng Bích Loan

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hán Tấn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Quí - Kiểm sát Viên

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2019/TLST-DS, ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐST-DS, ngày 10/10/2019 và các Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hứa Thị H**, sinh năm 1963; Địa chỉ : Khu phố 5, thị trấn L, huyện T, Bình Thuận; Có mặt

- Bị đơn : Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1967; Địa chỉ : Khu phố 5, thị trấn L, huyện T, Bình Thuận ; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện gởi đến Tòa án ngày 10/6/2019 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hứa Thị H trình bày*:** Vào ngày 20/4/2014 (âm lịch) bà Trần Thị P có ký giấy tay mượn của bà 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), không lãi, bà P hứa thời hạn là 01 tháng sẽ hoàn trả cho bà nhưng sau 01 tháng không thấy bà P trả, bà đã nhiều lần gặp trực tiếp bà P yêu cầu hoàn trả cho bà nhưng bà P cố tình không trả.

Đến ngày 10/12/2018 bà có khởi kiện bà P ra Tòa, tại Tòa bà P xin hoãn 02 tháng để đi điều trị bệnh, ngày 03/4/2018 Tòa án đình chỉ vụ việc. Vì thấy bà P không trả nợ cho bà nên bà tiếp tục làm đơn khởi kiện lại bà P.

Tại Tòa hôm nay bà vẫn giữ nguyên cầu Tòa án giải quyết buộc bà P phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà 30.000.000đ tiền gốc, bà không yêu cầu trả lãi. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Trần Thị P trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 25/3/2019: Vào ngày 20/4/2014 (âm lịch) bà có vay của bà Hứa Thị H 30.000.000đ, thời hạn 01 tháng, sau khi vay bà đã hoàn trả đủ số tiền cho bà H nên bà không đồng ý theo yêu cầu của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu:

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc kiểm sát tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Các bước của quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ, mỡ phiên họp tiếp nhận, công khai chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2009/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hứa Thị H đối với bà Trần Thị P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Buộc bà Trần Thị P phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Hứa Thị H số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Về án phí: Bà Trần Thị P phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị P có nơi cư trú tại khu phố 5, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự yêu cầu khởi kiện của bà Hứa Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Mặc dù Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị P từ sau khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà P thường xuyên vắng nhà cho nên Tòa đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng, bà P có biết bà Hứa Thị H khởi kiện bà nhưng bà cố tình không đến Tòa án để tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đây thuộc trường hợp đương sự cố tình lẫn tránh. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Nội dung vụ án: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hứa Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị P phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà 30.000.000đ tiền vay; Bà P khai tại biên bản ghi lời khai ngày 25/3/2019, bà thừa nhận có vay tiền của bà H và bà xác nhận bà đã trả đủ cho bà H số tiền bà vay nên bà không đồng ý theo yêu cầu của bà H, đây là tranh chấp về giao dịch dân sự và được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, phía nguyên đơn bà Hứa Thị H có xuất trình tài liệu, chứng cứ liên quan đến hợp đồng vay tài sản cụ thể là *Giấy mượn tiền đề ngày 20/4/2014* có chữ ký của bà P; Bà P không hợp tác nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

[3] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, yêu cầu của bà Hứa Thị H trước và tại phiên tòa bà không thay đổi hay bổ sung gì mà vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị P phải hoàn trả cho bà số tiền mà bà P vay mượn của bà tại tờ giấy bà P ký vay ngày 20/4/214 (Âm lịch). Qua đối chiếu tờ mượn tiền bà H xuất trình cùng tài liệu, chứng cứ khác như lời trình bày của bà P tại biên bản ghi lời khai ngày 25/3/2019, bà P thừa nhận ngày 20/4/2014 âm lịch bà có vay của bà H 30.000.000đ và sau khi vay bà đã trả đủ cho bà H số tiền vay nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà P đã trả tiền cho bà H. Chứng tỏ, bà P có vay tiền của bà H số tiền như bà H khai, tuy nhiên bà P cho rằng bà đã hoàn trả đủ tiền vay cho bà H, việc này bà P phải có nghĩa vụ chứng minh, vì vậy không thể buộc bà H phải chứng minh bà H đã nhận tiền từ bà P được, căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về bà P. Do bà P không đưa ra chứng cứ để chứng minh việc bà đã thực hiện việc trả nợ xong cho bà H cho nên quyền và lợi ích hợp pháp của bà không được pháp luật bảo vệ.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên đủ cơ sở khẳng định việc bà Hứa Thị H khởi kiện buộc bà Trần Thị P hoàn trả tiền cho bà là có căn cứ. Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hứa Thị H đối với bà Trần Thị P. Bà H không yêu cầu xem xét tiền lãi tại giai đoạn xét xử nên không xem xét.

[4] Về phần án phí: Yêu cầu của bà Hứa Thị H được chấp nhận nên bà Trần Thị P phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2009/PL- UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí Tòa án;

[2] Tuyên xử: Tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hứa Thị H đối với bà Trần Thị P về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Trần Thị P phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà Hứa Thị H số tiền **30.000.000đồng** (Ba mươi triệu đồng).

[3] Về án phí: Bà Trần Thị P phải nộp **1.500.000 đồng** (Một triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho bà Hứa Thị H số tiền **750.000 đ** (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0026286 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T.

[4] Khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án, người phải thi hành án phải có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lý Văn Lấy

Nơi nhận:
- VKSND (tỉnh + huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA Huyện**;**
- Lưu HS.